

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**
Bản án số: 29/2025/HNGĐ – ST
Ngày 10/9/2025.
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nông Thanh Tuy.

2.Bà Mỏ Măng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực
4- Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2025/TLST-HNGĐ ngày 06
tháng 6 năm 2025 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, Quyết
định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn 8, xã T, tỉnh Đắk Lắk)
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn 8, xã T, tỉnh Đắk Lắk)
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T
trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn T có tình hiểu, yêu thương và chung sống với nhau, đến ngày 12/4/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Kể từ đó đến nay thì hai vợ chồng không còn qua lại và không liên quan bất kỳ vấn đề nào trong cuộc sống. Ông T chỉ thỉnh thoảng liên lạc với các con. Xét thấy không còn tình cảm với nhau nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tuyến.

-Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi có 03 con chung là cháu Trần Thị L, sinh ngày 08/8/2005, cháu Trần Hà L, sinh ngày 21/6/2008, cháu Trần Chí D, sinh ngày 30/10/2011. Khi vợ chồng sống ly thân, thì 03 cháu sống cùng tôi. Vì vậy tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần Hà L, sinh ngày 21/6/2008 và cháu Trần Chí D, sinh ngày 30/11/2011 cho đến khi các cháu trưởng thành. Còn cháu Trần Thị L đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

-Về yêu cầu cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trần Thị L, sinh ngày 08/8/2005, cháu Trần Hà L, sinh ngày 21/6/2008, cháu Trần Chí D, sinh ngày 30/10/2011.

Cháu Trần Thị L đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét.

Giao cháu Trần Hà L, sinh ngày 21/6/2008 và cháu Trần Chí D, sinh ngày 30/10/2011 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (nay là Tòa án nhân dân khu vực) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/4/2004, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên đã sống ly thân. Vì vậy bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T; Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T không tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà T xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, còn ông T vắng mặt tại phiên tòa nên không thể xác định nguyện vọng của ông về quan hệ hôn nhân. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, mặc dù địa phương không nắm cụ thể mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên xác định được bà T và ông T không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy thấy được quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn T.

3.2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông T có 03 con chung là cháu Trần Thị L, sinh ngày 08/8/2005, cháu Trần Hà L, sinh ngày

21/6/2008, cháu Trần Chí D, sinh ngày 30/10/2011, bà Nguyễn Thị T có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Hà L và cháu Trần Chí D, hiện nay các con do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Trần Thị L đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T vắng mặt nên không thể xác định được nguyện vọng của ông về con chung, bên cạnh đó cháu Trần Hà L và cháu Trần Chí D cũng có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Vì vậy việc giao cháu Trần Hà L và cháu Trần Chí D cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và phí tổn nuôi dưỡng con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3.3. *Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. *Về con chung*: Có 03 con chung là cháu Trần Thị L, sinh năm 2005, cháu Trần Hà L, sinh ngày 21/6/2008, cháu Trần Chí D, sinh ngày 30/10/2011.

Cháu Trần Thị L đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét.

Giao cháu Trần Hà L, sinh ngày 21/6/2008 và cháu Trần Chí D, sinh ngày 30/10/2011 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và phí tổn nuôi dưỡng con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3. *Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003272 ngày 04/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Đắk Lắk).

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thanh Tuy Mố Măng

H'Năm Bkrông

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Long Thạnh
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H' Năm Bkrông